

**XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA DOANH NGHIỆP
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM - THỰC TIỄN ÁP DỤNG
NHÌN TỪ MỘT VỤ CHUYỂN NHƯỢNG ĐIỂN HÌNH**

TRẦN VĂN NAM*

LÊ TRUNG NGHĨA**

Ngày nhận bài: 05/02/2021

Ngày phản biện: 12/02/2021

Ngày đăng bài: 30/03/2021

Tóm tắt:

Hiện nay, phương pháp thu nhập khi định giá tài sản vô hình bao gồm cả tài sản trí tuệ đang được sử dụng nhiều trên thế giới, tuy nhiên khi áp dụng trong thực tiễn ở Việt Nam lại đang tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể sẽ dẫn đến sự e ngại dùng phương pháp này trong tương lai. Thông qua phân tích vụ nhận chuyển nhượng thực hiện các năm 2014 - 2016, các tác giả nhận thấy, trong thời gian tới, một trong những vấn đề cấp bách đặt ra đối với hệ thống pháp luật Việt Nam là cần phải sớm hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản trí tuệ. Bài viết này đã (i) Nghiên cứu quy định của pháp luật về lĩnh vực định giá tài sản trí tuệ ở Việt Nam hiện nay; (ii) Phân tích một số khía cạnh pháp lý liên quan đến việc định giá tài sản trí tuệ doanh nghiệp khi một doanh nghiệp Nhà nước mua 95% cổ phần của Công ty Nghe nhìn tư nhân, quan điểm của bên mua, bên bán, các công ty được thuê để thẩm định giá, các cơ quan hữu quan khác; (iii) Đề xuất một số khuyến nghị đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức liên quan đang hoạt động trong lĩnh vực này.

Summary:

Currently, the usage of income method in valuation intangible assets in general and intellectual property in particular becomes a popular method in the world. However, in reality of Vietnam, there are potential risks, which may lead to avoidance of this method in the future. From the review of case study, the authors recommend that Vietnam needs to soon supplement and complete the system of asset valuation, including intellectual property. This article aims to (i) Study the current provisions on intellectual property valuation in Vietnam; (ii) Analyze some legal aspects related to the valuation of corporate intellectual property when a state enterprise took over 95% of a media private company's shares, views of buyers, sellers, companies hired for price valuation, and other relevant agencies; (iii) Propose some recommendations for businesses involved in the field of valuation intangible assets.

* PGS.TS., GV Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. Email: namtv@neu.edu.vn

** Tòa án nhân dân huyện Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Từ khóa:

Xác định giá trị, tài sản vô hình, tài sản trí tuệ.

Keywords:

Valuation of assets, intangible property, intellectual property.

1. Xác định giá trị đối với tài sản trí tuệ

Nền kinh tế thế giới hiện nay được coi là nền kinh tế tri thức (knowledge based economy), đã cho thấy vai trò của tri thức trong thời đại ngày nay, theo một số nghiên cứu thì tài sản vô hình đóng vai trò ngày càng quan trọng trong giá trị doanh nghiệp, hiện chiếm tới 84% giá trị thị trường của 500 doanh nghiệp vốn hóa lớn trên thị trường Mỹ (S&P 500) vào năm 2015, trong khi chỉ số này mới chỉ là 17% ở thời điểm năm 1975¹.

Nhiều học giả trên thế giới đã đưa ra những nghiên cứu cho thấy rằng một doanh nghiệp có càng nhiều tài sản trí tuệ thì kết quả kinh doanh của họ sẽ càng phát triển, trong nghiên cứu “*Sáng chế, lựa chọn thực và hiệu quả hoạt động*” đăng trên Thời báo Kinh tế năm 2002, tác giả N. Bloom và J. Van Reenen đã khảo sát hơn 200 doanh nghiệp lớn ở Anh và đi đến kết luận là sáng chế có giá trị kinh tế và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có mối quan hệ tương hỗ với nhau.

Ở Việt Nam, cũng đã có một vài khảo sát trong lĩnh vực này, tuy chưa phản ánh được toàn bộ nhưng phần nào cũng cho thấy tác động tích cực của tài sản trí tuệ và sự phát triển của doanh nghiệp, trong nghiên cứu “*Đóng góp của tài sản trí tuệ đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*” của tác giả Nguyễn Hữu Cẩn, đã khảo sát khoảng 200 doanh nghiệp trong giai đoạn 2014 - 2016 và kết quả cho thấy những doanh nghiệp nắm giữ nhiều tài sản trí tuệ thì tỷ lệ “*Doanh thu/Số lao động*” sẽ càng cao, đồng nghĩa hiệu quả kinh doanh càng lớn.

Theo Điều 4 Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014, định giá là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ. Cũng theo Điều này, hàng hóa là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường, có khả năng thỏa mãn nhu cầu của con người, bao gồm các loại động sản và bất động sản, còn dịch vụ là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không tách rời nhau, bao gồm các loại dịch vụ trong hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Pháp luật Việt Nam về xác định giá trị tài sản vô hình trong đó có tài sản trí tuệ

2.1. Các quy định pháp luật hiện hành về xác định giá trị tài sản trí tuệ

Vấn đề xác định giá trị tài sản trí tuệ là một vấn đề mới và còn nhiều ý kiến trái chiều ở nước ta hiện nay, những quy định pháp luật về xác định giá trị tài sản trí tuệ hiện nay được

¹ Thông tin từ website của Công ty Tài chính Ocean Tomo: <https://www.oceantomo.com/insights/oceantomo-releases-2015-annual-study-of-intangible-asset-market-value/>

phân bố rải rác trong nhiều văn bản pháp luật, nhiều lĩnh vực khác nhau như lĩnh vực doanh nghiệp, kế toán, khoa học công nghệ... Với vai trò là một chế định quan trọng để kiểm soát hoạt động xác định giá trị tài sản trí tuệ, pháp luật về xác định giá trị tài sản trí tuệ ở nước ta hiện nay đã bước đầu tạo được hành lang pháp lý để điều chỉnh hoạt động xác định giá trị tài sản trí tuệ (người có thẩm quyền định giá, những trường hợp định giá, nguyên tắc cơ bản trong việc định giá).

Về cơ bản, có thể chia các quy định pháp luật trong lĩnh vực này thành 3 nhóm chính như sau:

- Nhóm thứ nhất là các quy định về những trường hợp định giá tài sản trí tuệ.

Việc định giá tài sản trí tuệ phát sinh trong rất nhiều trường hợp nên quy định pháp luật về vấn đề này cũng khá đa dạng, có thể liệt kê một vài trường hợp điển hình như xác định giá trị tài sản góp vốn, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp trên bảng cân đối kế toán, xác định giá trị của doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa, xác định giá trị tài sản trí tuệ thuộc sở hữu Nhà nước khi chuyển giao quyền sở hữu. Những trường hợp này được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật về thành lập doanh nghiệp, các chuẩn mực kế toán, các văn bản trong lĩnh vực cổ phần hóa doanh nghiệp, văn bản trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đối với mỗi trường hợp lại có những quy định riêng về phương pháp xác định giá trị tài sản trí tuệ và đối tượng tài sản trí tuệ được định giá.

- Nhóm thứ hai là các quy định về các phương pháp định giá tài sản trí tuệ.

Các phương pháp định giá tài sản trí tuệ được hệ thống trong các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam theo các văn bản của Bộ Tài chính, đó là Thông tư số 158/2014/TT-BTC, Thông tư số 28/2015/TT-BTC, Thông tư số 126/2015/TT-BTC, Thông tư số 145/2016/TT-BTC, Thông tư số 122/2017/TT-BTC, Thông tư số 06/2014/TT-BTC.

Đáng lưu ý là Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 về thẩm định giá tài sản vô hình đã nêu ra các cách tiếp cận trong việc xác định giá trị tài sản trí tuệ, bao gồm: Cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ thu nhập. Mỗi cách tiếp cận sẽ có một số phương pháp định giá cụ thể, tùy thuộc vào đối tượng định giá như thế nào mà người tiến hành định giá sẽ lựa chọn phương pháp cho phù hợp.

- Nhóm thứ ba là các quy định đối với các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ định giá tài sản trí tuệ.

Theo quy định hiện hành, việc định giá tài sản trí tuệ được quy định là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam. Những tổ chức cá nhân muốn kinh doanh trong lĩnh vực này phải đáp ứng điều kiện nhất định. Có 02 loại hình tổ chức định giá tài sản trí tuệ, đó là (1) Doanh nghiệp thẩm định giá và (2) Trung tâm Hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ theo quy định về tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. Mỗi loại hình sẽ phải tuân theo những điều kiện

riêng cụ thể. Pháp luật cũng quy định chi tiết về điều kiện hành nghề đối với thẩm định viên về giá theo Luật Doanh nghiệp, Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2. Mục đích, nguyên tắc xác định giá trị tài sản trí tuệ

Nhu cầu định giá tài sản trí tuệ ra đời là một tất yếu khách quan, cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường, các thương nhân ngày càng cần phải xác định chính xác, đầy đủ và khách quan giá trị của những tài sản đang thuộc quyền sở hữu của mình, nhằm:

- Phục vụ việc quản lý nội bộ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.
- Phục vụ mục đích chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng.
- Phục vụ các thương vụ sáp nhập và mua lại: Xác định giá trị doanh nghiệp dựa vào tỷ trọng của tài sản trí tuệ vào tổng giá thị trường của doanh nghiệp.
- Nhằm mục đích góp vốn đầu tư, tham gia vào các hợp đồng liên doanh: Xác định giá trị phần sở hữu tương ứng của doanh nghiệp trong dự án đầu tư hoặc liên doanh, liên kết.
- Để doanh nghiệp huy động vốn, đầu tư phát triển.
- Nhằm mục đích tiết kiệm chi phí: Xác định những tài sản trí tuệ có giá trị kinh tế tiềm năng để phát triển, loại bỏ những tài sản ít hoặc không còn giá trị.
- Phục vụ việc cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu của doanh nghiệp: Xác định giá trị của doanh nghiệp và tài sản trí tuệ của doanh nghiệp khi tham gia cổ phần hóa hoặc phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Hỗ trợ giải quyết tranh chấp: xác định mức độ thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ, hoặc để giải quyết tranh chấp trong trường hợp phá sản, thừa kế...
- Phục vụ các mục đích khác như hưởng thuế ưu đãi từ việc biếu tặng...

2.3. Các phương pháp cơ bản sử dụng trong việc xác định giá trị tài sản trí tuệ

Thực tế hiện nay cộng đồng tài chính Việt Nam và trên thế giới thường sử dụng ba phương pháp sau để định giá tài sản trí tuệ, đó là: Phương pháp dựa vào chi phí, phương pháp dựa vào thị trường và phương pháp dựa vào thu nhập².

- Phương pháp dựa vào chi phí: Cách tiếp cận từ chi phí ước tính giá trị tài sản vô hình căn cứ vào chi phí tái tạo ra tài sản vô hình giống nguyên mẫu với tài sản cần thẩm định giá hoặc chi phí thay thế để tạo ra một tài sản vô hình tương tự có cùng chức năng, công dụng theo giá thị trường hiện hành³.

² Xem thêm: Trần Văn Nam, *Nhận dạng một số bất cập về xác định giá trị tài sản trí tuệ cho các Startup tại Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 41 năm 2019, tr.54.

³ Mục 10.1 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 - Thẩm định giá tài sản vô hình.

- Phương pháp dựa vào thị trường: Giá trị của tài sản vô hình cần thẩm định giá được xác định căn cứ vào việc so sánh, phân tích thông tin của các tài sản vô hình tương tự có giá giao dịch trên thị trường⁴.

- Phương pháp dựa vào thu nhập: Cách tiếp cận từ thu nhập xác định giá trị của tài sản vô hình thông qua giá trị hiện tại của các khoản thu nhập, các dòng tiền và các chi phí tiết kiệm do tài sản vô hình mang lại⁵.

Vấn đề xác định giá trị tài sản trí tuệ theo pháp luật Việt Nam, từ khái niệm tài sản trí tuệ đến các nhóm quy định pháp luật hiện hành, mục đích, nguyên tắc và quy trình xác định giá trị tài sản trí tuệ, đặc biệt là ba phương pháp cơ bản, đang được cộng đồng tài chính quan tâm khi xác định giá trị tài sản trí tuệ hiện nay.

Tuy nhiên, với những quy định còn mang tính chất khái quát đã dẫn đến những bất cập trong thực tế như trong vụ việc điển hình dưới đây:

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật xác định giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp ở Việt Nam

3.1. Giới thiệu chung về vụ nhận chuyển nhượng điển hình

Bên nhận chuyển nhượng:

Tổng Công ty M được thành lập vào ngày 16/04/1993. Đến ngày 01/12/2014, Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Viễn thông M, kinh doanh trong các lĩnh vực: dịch vụ viễn thông truyền thống, VAS, Data, Internet & truyền hình IPTV/cable TV, sản phẩm khách hàng doanh nghiệp, dịch vụ công nghệ thông tin, bán lẻ và phân phối và đầu tư nước ngoài⁶.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty M là 15.000 tỷ đồng do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ. Quyết định số 80/QĐ-BTTTT ngày 19/01/2015 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của M quy định Nhà nước là chủ sở hữu của Tổng Công ty M. Chính phủ phân công một Bộ chủ quản thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu với M. Người đại diện pháp luật của M là chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc, nhân danh M thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo quy định Điều lệ và quy định pháp luật liên quan. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Nhà nước và trước pháp luật về hoạt động của M, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định có hiệu lực khi có hơn 50% thành viên tham dự biểu quyết đồng ý.

Tổng M được bình chọn là thương hiệu được khách hàng yêu thích trong 6 năm liền. Tổng doanh thu năm 2017 của M đạt xấp xỉ 2 tỷ USD⁷.

⁴ Mục 9.1 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 - Thẩm định giá tài sản vô hình.

⁵ Mục 11.1 Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 - Thẩm định giá tài sản vô hình.

⁶ Tham khảo từ trang web chính thức của Công ty: <https://CongtyM.vn/wps/portal/public/gioi-thieu/gioi-thieu-chung/lich-su-hinh-thanh>

⁷ <https://vnr500.com.vn/Thong-tin-doanh-nghiep/Tong-cong-ty-vien-thong-cong-ty-M-Chart--1-2020.html>

*Bên chuyển nhượng*⁸:

Công ty Cổ phần Nghe nhìn (viết tắt là G); có trụ sở chính tại tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

3.2. Thông tin cơ bản về vụ chuyển nhượng

Dự án Tổng công ty M mua 95% cổ phần của G là một thương vụ lớn, giữa một bên là doanh nghiệp Nhà nước với một bên là doanh nghiệp tư nhân, gây nhiều quan tâm của cộng đồng⁹.

Theo giải thích của Tổng Công ty M, mục đích của thương vụ này là để đa dạng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, bước chân vào mảng truyền hình trả tiền, sẽ nâng giá trị thương hiệu của họ khi cổ phần hóa. Sau đó, Tổng Công ty M cho biết là đã mua lại 95% cổ phần G¹⁰ với số tiền lên đến 8.900 tỷ đồng¹¹.

3.3. Thực tiễn xác định giá Công ty G

Để có được kết quả định giá Công ty G, từ đó làm căn cứ để các bên đàm phán giá mua, M đã tham khảo và căn cứ vào ý kiến của nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS) kết hợp với các đơn vị có chức năng thẩm định giá do VCBS thuê và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá A, kết quả như sau:

VCBS đã thuê Công ty TNHH Kiểm toán AASC thực hiện định giá G và đã cho ra kết quả định giá theo phương pháp thu nhập là 33.299,49 tỷ đồng. Trên cơ sở định giá của AASC, đơn vị tư vấn VCBS đã tư vấn cho M thêm về cách định giá thận trọng để đưa ra mức giá hợp lý với kết quả giảm còn 24.548,19 tỷ đồng theo phương pháp thu nhập. Sau đó, M tiếp tục yêu cầu và VCBS đã thuê thêm Công ty TNHH Định giá Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh (Hanoi Valu) để định giá G theo phương pháp tài sản. Hanoi Valu đã thực hiện thẩm định giá và phát hành chứng thư định giá trực tiếp cho M với kết quả định giá là 18.520 tỷ đồng.

Cuối cùng, M đã giao kết hợp đồng với đơn vị thẩm định giá là Công ty A. A đã phát hành chứng thư thẩm định giá cho M với kết quả giá trị doanh nghiệp của G theo phương pháp tài sản là 16.565 tỷ đồng và theo phương pháp thu nhập là 17.184 tỷ đồng.

Lý do để A vận dụng cả hai phương pháp định giá được công ty này trình bày tại báo cáo thẩm định giá trị doanh nghiệp ngày 23/7/2015: *“Phương pháp tài sản là dựa trên nguyên tắc đánh giá doanh nghiệp căn cứ trên tình hình hiện tại, do đó hạn chế trong việc xác định*

⁸ Trang web chính thức của Công ty G là: <https://G.vn/gioi-thieu-chung-2/>

⁹ <https://thanhtra.com.vn/thanh-tra/hoat-dong-nganh/Xu-ly-dung-phap-luat-thu-hoi-tai-san-Nha-nuoc-bi-that-thoat-131501.html>

¹⁰ <http://baochinhphu.vn/Chi-dao-quyet-dinh-cua-Chinh-phu-Thu-tuong-Chinh-phu/Thanh-tra-toan-dien-Du-an-Cong-ty-M-mua-95-co-phan-cua-G/283048.vgp>

¹¹ <https://vnexpress.net/4-pho-tong-giam-doc-Cong-ty-M-bi-khoi-to-3973254.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

giá trị tiềm năng trong tương lai đối với các doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư như G. Mặt khác, phương pháp thu nhập dựa trên nguyên tắc dự kiến lợi ích tương lai mà doanh nghiệp sẽ đạt được căn cứ trên kế hoạch kinh doanh, tiềm lực thực tại của doanh nghiệp, đã tính đến các yếu tố pháp lý cũng như bối cảnh kinh tế, sẽ phản ánh chính xác hơn giá trị doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư. Theo đó, phương pháp thu nhập được xác định là phương pháp chọn, phương pháp tài sản là phương pháp kiểm chứng”¹².

Như vậy, cùng một đối tượng định giá là doanh nghiệp G nhưng ba đơn vị tư vấn đã đưa ra ba kết quả tương đối khác nhau, chênh lệch cao nhất lên đến hơn 10.000 tỷ đồng, cụ thể như bảng so sánh sau:

Bảng so sánh kết quả thẩm định giá của ba doanh nghiệp

	Công ty AASC	Công ty Hanoi Valu	Công ty A
Phương pháp tài sản	<i>(Không sử dụng)</i>	18.520 tỷ đồng	16.565 tỷ đồng
Phương pháp thu nhập	33.299 tỷ đồng	<i>(Không sử dụng)</i>	17.184 tỷ đồng

(Tổng hợp của các tác giả)

Đáng lưu ý là cả ba công ty thẩm định giá đều xác định giá trị tài sản vô hình của G được coi là cao, như AASC xác định tài sản vô hình đến 31.329 tỷ đồng, Hanoi Valu xác định đến 16.530 tỷ đồng, còn A xác định đến 13.448 tỷ đồng, nghĩa là các công ty tư vấn đều cho rằng tài sản vô hình chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính của G chiếm tỷ lệ rất lớn - trên 90% trong tổng tài sản. Ba công ty này đều dựa vào phương án kinh doanh do M cung cấp để làm căn cứ tính toán ra giá trị của những tài sản vô hình này.

Theo tóm tắt những đánh giá của M về phương án kinh doanh khi mua lại G, đánh giá này được lập vào năm 2015, phương án đầu tư kinh doanh này đưa ra dự kiến kết quả doanh thu như sau:

Việc kinh doanh thuê bao truyền hình sẽ đạt hơn 4,5 triệu thuê bao vào năm 2020 (giai đoạn 2016 - 2018 phát triển 800.000 thuê bao mới, giai đoạn 2019 - 2020 phát triển 600.000 - 700.000 thuê bao/năm).

Đến năm 2020, dự kiến doanh thu quảng cáo G sẽ là 4.700 tỷ đồng/năm, nguồn thu này đến từ 7 kênh xã hội hóa của G, doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng dự kiến 1.000 tỷ đồng¹³.

Sau khi các công ty tư vấn thẩm định giá, M đã chọn chứng thư thẩm định giá của Công ty A làm căn cứ để đàm phán giá với G, điều này dẫn đến những trách nhiệm ràng buộc đặt ra đối với A.

¹² Chứng thư thẩm định giá 03/2015 của Công ty A, tr.23.

¹³ Công ty A, tài liệu đã dẫn, tr.16.

Chính vì vậy, việc xem xét chứng thư thẩm định giá của A là cần thiết, bởi vì đây chính là một trong những mấu chốt quan trọng của vụ án:

Khi áp dụng phương pháp tài sản, A cho rằng giá trị của G được ước tính từ phương pháp tài sản dựa trên việc đánh giá lại toàn bộ tài sản của G. Do yêu cầu cấp bách từ phía M nên A không đủ thời gian để thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm phục vụ mục đích thẩm định giá đối với các tài sản hữu hình, tài sản lưu động của G như: Khảo sát tài sản, thực hiện thủ tục kiểm kê, đối chiếu... Tuy nhiên, A lập luận rằng G là doanh nghiệp đang trong quá trình đầu tư, giá trị các tài sản hữu hình có thể được xem xét dưới góc độ chính là chi phí đầu tư ban đầu với giá trị không đổi, thêm nữa, báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2015 của G đã được soát xét bởi KPMG, báo cáo kết quả công việc dựa trên các thủ tục đã thỏa thuận trước được thực hiện bởi E&Y. Vì vậy, A đã đánh giá giá trị tài sản hữu hình của G theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán vào thời điểm 31/3/2015, còn giá trị tài sản lưu động ghi nhận theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán vào thời điểm 31/3/2015, ngoại trừ các khoản mục phải điều chỉnh giá trị do đơn vị kiểm toán lưu ý sau soát xét¹⁴.

Về tài sản vô hình của G thì Công ty A phân loại như sau:

- Tài sản vô hình đã được hạch toán vào báo cáo tài chính (bao gồm phần mềm máy tính và chương trình truyền hình) được ghi nhận theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán vào thời điểm 31/3/2015.

- Tài sản vô hình chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính (bao gồm giấy phép kinh doanh các tần số, bản quyền, thương hiệu truyền hình AV, hệ thống phân phối, quyền kinh doanh các mạng khác).

Đối với giấy phép kinh doanh các tần số: Công ty A cho rằng việc đánh giá giá trị giấy phép kinh doanh các tần số được xác định bằng mức giá áp dụng cho mỗi một Mhz/ đầu người. G đang sở hữu 32 Mhz băng thông, phủ sóng toàn quốc đến 65% dân số (quy hoạch phủ sóng đến 85%). Nước ta hiện có 90 triệu dân, như vậy G đang sở hữu 1.872 triệu Mhz/ đầu người. Tuy nhiên, tại Việt Nam chưa có mức giá này nên để đánh giá được các giấy phép này phải tham khảo áp dụng mức giá của các nước khác trên thế giới và điều chỉnh để áp dụng cho Việt Nam.

Năm 2011, tại Thụy Điển, cuộc đấu giá với băng tần 800 Mhz đã đưa ra mức chuẩn là 0,58 USD trên Mhz/đầu người, bằng 63% giá trị đạt được ở Đức, chỉ bằng 32% giá trị đạt được ở Hồng Kông. Tại Úc, giá khởi điểm của băng tần 700 Mhz là 1,36 USD/Mhz/đầu người và tại Mỹ vào cuối năm 2014, mức giá khởi điểm cho mỗi Mhz/đầu người là 1,25 USD, tuy nhiên, theo đấu giá sau đó thì mức giá trung bình cho mỗi Mhz/ đầu người lên đến 2,71 USD. Các quốc gia khác nhau có môi trường kinh doanh và tình hình thị trường khác nhau,

¹⁴ Công ty A, tài liệu đã dẫn, tr.23.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

dẫn đến các mức giá và doanh thu kinh doanh thu thập được cũng khác nhau. Trên cơ sở tổng doanh thu quảng cáo truyền hình thị trường Mỹ và Việt Nam, A điều chỉnh mức giá này về thị trường Việt Nam ở góc độ thận trọng nhất là 0,06 USD/Mhz/đầu người.

Như vậy, với mức giá 0,06 USD/Mhz/ đầu người, giá trị tần số của G là khoảng 112 triệu USD, tương đương khoảng 2.424 tỷ đồng¹⁵.

Đối với giá trị bản quyền, thương hiệu truyền hình AV, hệ thống phân phối, quyền kinh doanh các mảng khác: Do không có tài sản tương đương để so sánh nên A đã đánh giá các tài sản vô hình này bằng phương pháp thu nhập, Công ty A cũng lưu ý là thu nhập do các tài sản vô hình này mang lại chỉ có thể tạo ra khi được kết hợp cùng nhau và cùng với giấy phép kinh doanh tần số.

Cuối cùng, từ những lập luận trên và áp dụng công thức toán học, Công ty A đã định giá ra giá trị phần tài sản vô hình chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính của G là 13.448 tỷ đồng.

Giá trị định giá G theo hai phương pháp cụ thể như bảng so sánh sau:

	Phương pháp tài sản (Phương pháp kiểm chứng)	Phương pháp thu nhập (Phương pháp chọn)
Giá trị doanh nghiệp	16.565.000.000.000đ	17.184.000.000.000đ
Giá trị nợ phải trả	1.134.000.000.000đ	1.134.000.000.000đ
Giá trị vốn chủ sở hữu	15.431.000.000.000đ	16.050.000.000.000đ
Số lượng cổ phần	362.800.000đ	362.800.000đ
Giá trị mỗi cổ phần	42.532đ	44.240đ

Bảng so sánh giá trị doanh nghiệp G được xác định theo hai phương pháp thẩm định giá (Do các tác giả tổng hợp)

Mức độ chênh lệch giữa hai phương pháp tính này là thấp dưới 5%.

Sau khi sử dụng kết quả định giá của Công ty A, M và G đã tiến hành đàm phán 5 lần và thống nhất về giá trị giao dịch của công ty G là gần 8.900 tỷ đồng.

- Khi cung cấp chứng thư thẩm định giá cho khách hàng, A cũng đưa ra những giới hạn và khuyến nghị khi sử dụng kết quả thẩm định giá như sau:

Giới hạn của chứng thư và kết quả thẩm định giá:

Chứng thư thẩm định giá được phát hành dựa trên báo cáo kết quả thẩm định giá do thẩm định viên trực tiếp lập và được lưu trong hồ sơ thẩm định giá lưu tại Công ty A. Chứng thư này không có giá trị thay thế giấy tờ pháp lý về quyền sở hữu/ sử dụng tài sản. Chứng thư

¹⁵ Công ty A, tài liệu đã dẫn, tr.23.

cũng chỉ xác nhận giá trị tài sản trong phạm vi khách hàng có đầy đủ cơ sở pháp lý về quyền sở hữu/ sử dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Những hạn chế của quá trình thẩm định giá, những giả định (nếu có) và các lập luận nhằm đưa ra kết luận cuối cùng về giá trị hợp lý của tài sản được trình bày chi tiết trong báo cáo kết quả thẩm định giá. Sự hạn chế về thông tin để thẩm định viên có thể vận dụng đồng thời nhiều hơn một phương pháp thẩm định giá có thể ít nhiều có tác động đến kết quả thẩm định giá¹⁶.

Như vậy, khách hàng và bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá cần có những hiểu biết cần thiết về các nguyên tắc, tiêu chuẩn thẩm định giá và các quy định liên quan đã được trình bày trong báo cáo thẩm định giá nhằm có thể sử dụng kết quả thẩm định giá một cách hiệu quả cũng như khi cần xử lý các quan hệ liên quan đến kết quả thẩm định giá này¹⁷.

4. Một số ý kiến liên quan về vụ chuyển nhượng

4.1. Kết luận của cơ quan chức năng

Sau quá trình thanh kiểm tra toàn diện, đến ngày 14/3/2018, Tổng Thanh tra Chính phủ đã ban hành Văn bản số 355/KL-TTCTP¹⁸. Kết luận đánh giá như sau:

- Đối với trách nhiệm của đơn vị thẩm định giá - Công ty A:

M thuê A thẩm định giá trị G tại thời điểm 31/3/2015; sử dụng kết quả thẩm định giá của A theo phương pháp tài sản để đàm phán giá mua cổ phần của các cổ đông G, nhưng việc thẩm định giá của A đã vi phạm nghiêm trọng Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

Theo kết luận này, A đã sử dụng nguồn số liệu dự báo kế hoạch kinh doanh do VCBS lập để thẩm định giá, trong khi số liệu này không có cơ sở, như vậy đã vi phạm các tiêu chuẩn thẩm định giá. Vì vậy, giá trị doanh nghiệp G tại thời điểm 31/3/2015 là 16.565 tỷ đồng không có cơ sở pháp lý, không tin cậy, hậu quả nghiêm trọng xảy ra khi sau đó M đã sử dụng kết quả này để đàm phán với nhóm cổ đông của G về giá mua cổ phần.

4.2. Kết quả xét xử của tòa án hai cấp

Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư của M, các bị cáo được nêu tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã có hành vi vi phạm pháp luật trong việc đề xuất dự án đầu tư, đánh giá về tài chính, kinh doanh của G, thẩm định giá, sử dụng kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp trong đàm phán và quyết định giá mua cổ phần của G, trong việc lập, trình dự án, đánh giá dự án và quyết định phê duyệt dự án đầu tư, thực hiện dự án gây hậu quả

¹⁶ Công ty A, tài liệu đã dẫn, tr.3.

¹⁷ Công ty A, tài liệu đã dẫn, tr.3.

¹⁸ Toàn văn tham khảo tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ: https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/thong-bao-ket-luan-thanh-tra-toan-dien-du-an-tong-cong-ty-vien-thong-Cong-ty-M-mua-95-co-phan-cua-cong-ty-co-phan-nghe-nhin-toan-cau?5979406

đặc biệt nghiêm trọng tài sản của Nhà nước với tổng thiệt hại là khoảng 6.600 tỷ đồng¹⁹. Ngày 28/12/2019, bản án sơ thẩm đã được tuyên đối với 13 bị cáo. Sau khi tòa án xét xử sơ thẩm, một số bị cáo đã kháng cáo, ngày 27/4/2020 phiên tòa phúc thẩm tuyên án, ngoại trừ bị cáo NBS bị tuyên y án sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo khác trong vụ án này đều được giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Vụ M mua 95% cổ phần của G, về khía cạnh pháp luật kinh tế, cho thấy những bất cập trong hệ thống quy định pháp luật liên quan đến vấn đề định giá tài sản vô hình, đặc biệt là Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 (Thẩm định giá tài sản vô hình) được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều này có thể dẫn đến việc tạo ra nhiều cách hiểu và áp dụng pháp luật của các doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như khiến cho bản án của Tòa án có thể sẽ gây ra những quan điểm tranh luận và thiếu thuyết phục nhất định, cùng một doanh nghiệp được định giá là G và thời điểm định giá cách biệt nhau không xa, mà ba doanh nghiệp định giá lại đưa ra những con số chênh lệch nhau đến hàng nghìn tỷ đồng, mức chênh lệch từ 10 đến 16 lần (AASC là 33.299 tỷ đồng, Hanoi Valu là 18.520 tỷ đồng, Công ty A lại cho kết quả là 16.565 tỷ đồng).

Điều gì đã dẫn đến sự “dao động quá lớn” trong việc áp dụng các quy định về tiêu chuẩn thẩm định giá đến mức như vậy? Vấn đề mấu chốt ở đây chính là hiện nay việc định giá tài sản vô hình nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng của chúng ta hiện nay chỉ có một căn cứ cơ bản là Bộ Tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản từ 01 đến 13 do Bộ Tài chính ban hành và nó mới gần như chỉ đưa ra những khái niệm và nguyên tắc cơ bản, trong khi việc định giá những doanh nghiệp quy mô lên tới hàng nghìn tỉ đồng như G thì cần ít nhất phải là một Nghị định chi tiết hướng dẫn.

Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 cho phép áp dụng phương pháp thu nhập, nghĩa là cho phép về mặt nguyên tắc được áp dụng nguyên tắc dự kiến lợi ích tương lai để tính toán giá trị tài sản vô hình, nhưng lại không chỉ ra cách dự kiến lợi ích tương lai như thế nào là đúng, dự kiến lợi ích tương lai như thế nào thì được xem là khả thi. Đây chính là lý do mà các doanh nghiệp thẩm định giá và tòa án đưa ra những dự kiến rất khác nhau về Công ty G, từ đó giá trị của cùng một công ty bị dao động quá lớn như nói trên.

Mặc dù thẩm định giá tài sản trí tuệ là một lĩnh vực còn khá mới mẻ ở Việt Nam, nhưng chúng ta cũng đã kịp ban hành những văn bản như Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá từ số 1 đến 13 phù hợp với chuẩn mực chung của thế giới, nhưng thực tế cho thấy hệ thống tiêu chuẩn này mới chỉ đáp ứng việc đưa ra những cách hiểu cơ bản phù hợp quốc tế, còn việc áp dụng vào thực tiễn đã xảy ra những cách vận dụng vô cùng khác nhau như ba công ty thẩm định đã làm đối với G.

¹⁹ Bản án hình sự sơ thẩm, tr.90, đã dẫn.

Cũng chính vì sự thiếu đầy đủ trong hệ thống pháp luật, có thể Tòa án cấp sơ thẩm xác định cách tính giá trị tài sản vô hình của công ty thẩm định giá A là chưa phản ánh hết thực tế, vì “*Đã sử dụng bất hợp pháp nguồn số liệu dự báo kế hoạch kinh doanh của G do VCBS lập để thẩm định giá, trong khi số liệu này không có tài liệu chứng minh cơ sở tin cậy*”²⁰.

Nếu đặt giả thiết là cả ba công ty thẩm định giá đều không mắc phải sai lầm trong trường hợp này, nghĩa là họ có điều tra khảo sát thị trường để so sánh mức độ cũng như sức cạnh tranh của G trên thị trường dịch vụ truyền hình trả tiền, và họ không dựa trên kế hoạch kinh doanh tương lai 2015 - 2020 mà G lập mà dựa vào những tài liệu khác khách quan hơn, thì cũng không có điều gì đảm bảo cho căn cứ đó là căn cứ khả thi trước tòa án? Các doanh nghiệp khác trong tương lai dù có tính toán chuẩn bị chu đáo đến đâu cũng hoàn toàn có thể lo ngại mình sẽ đối mặt với rủi ro lớn này.

Khi xem xét kết quả thẩm định giá của Công ty A, dường như ta thấy một tư duy hợp lý khi đánh giá về G, khi áp dụng phương pháp thu nhập để xác định giá trị tài sản của G:

“Phương pháp tài sản là dựa trên nguyên tắc đánh giá doanh nghiệp căn cứ trên tình hình hiện tại, do đó hạn chế trong việc xác định giá trị tiềm năng trong tương lai đối với các doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư như G”.

Cuối cùng, A kết luận là: “... **Phương pháp thu nhập dựa trên nguyên tắc dự kiến lợi ích tương lai** mà doanh nghiệp sẽ đạt được căn cứ trên kế hoạch kinh doanh, tiềm lực thực tại của doanh nghiệp, đã tính đến các yếu tố pháp lý cũng như bối cảnh kinh tế, **sẽ phản ánh chính xác hơn giá trị doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư**”.

Như vậy, A nhận thấy rằng giá trị của doanh nghiệp đang giai đoạn đầu tư như G không thể chỉ xem trên sổ sách, không thể chỉ là giá trị trên sổ sách, mà phải tính trên nguyên tắc dự kiến lợi ích tương lai, đây là nguyên tắc định giá phù hợp với thông lệ quốc tế, cũng đã được hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá của Việt Nam thừa nhận, tuy nhiên, chính vì tất cả đều dựa trên nguyên tắc dự kiến lợi ích tương lai, mà tương lai thì khó có thể khẳng định được.

Đối với các doanh nghiệp liên quan đến thẩm định giá, cần đặc biệt lưu ý khi hoạt động tại thị trường Việt Nam, đó là khi va chạm vào lĩnh vực này, *cần phải đặc biệt lưu ý là thương vụ mua bán của mình hay công việc thẩm định giá doanh nghiệp của mình có đang động chạm đến đồng tiền của ngân sách hay không, có yếu tố Nhà nước nào trong đó không.*

Ngoài ra, trong quá trình định giá G cũng như trong quá trình vụ án được đưa ra xét xử tại Tòa án, có những tài sản trí tuệ chưa được các bên xem xét đến đó là nhãn hiệu, theo thông tin tra cứu của tác giả trên thư viện số về sở hữu công nghiệp của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam²¹ thì từ năm 2008 đến năm 2015, Công ty G đã được cấp 28 văn bằng bảo hộ về nhãn

²⁰ Bản án hình sự sơ thẩm, tr.109, đã dẫn.

²¹ <http://iplib.noip.gov.vn/webui/WHitList.php>

hiệu, tại thời điểm định giá cả 28 văn bằng bảo hộ này đều vẫn còn hiệu lực, việc không đưa một nhãn hiệu nào ra định giá là một thiệt hại đáng tiếc cho doanh nghiệp, không đảm bảo được việc xác định đúng và đủ giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Mặc dù hệ thống pháp luật về xác định giá trị tài sản trí tuệ doanh nghiệp của nước ta hiện nay đã được xây dựng phù hợp với những chuẩn mực chung của thế giới, tuy nhiên, từ thực tiễn vụ nhận chuyển nhượng, đã cho thấy sự khó khăn phức tạp của công việc thẩm định giá trị tài sản trí tuệ, mà với những quy định mới chỉ mang tính chất nguyên tắc như hiện nay thì có thể sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu, nhiều cách áp dụng pháp luật khác nhau trong thực tế.

5. Một số đề xuất khuyến nghị

5.1. Một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật xác định giá trị tài sản trí tuệ

- Đối với nhóm quy định pháp luật điều chỉnh việc xác định giá trị tài sản vô hình nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng: Cần sớm đưa các quy định về định giá tài sản vô hình nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng vào một văn bản thống nhất, theo hướng là xây dựng một nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về định giá tài sản trí tuệ.

- Đối với nhóm quy định pháp luật điều chỉnh đối với doanh nghiệp thẩm định giá: Cần phải tăng cường việc kiểm soát hoạt động nghề nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thẩm định giá và các thẩm định viên bằng cách sớm sửa đổi bổ sung Nghị định số 89/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, cần bổ sung quy định về việc thu hồi thẻ thẩm định viên về giá, giống như như các hoạt động nghề nghiệp khác như luật sư, công chứng viên...

Ngoài ra, cũng đề nghị bổ sung quy định về điều kiện của người đại diện theo pháp luật, Giám đốc (Tổng giám đốc) của doanh nghiệp thẩm định giá. Cụ thể, người đại diện phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, đồng thời nên quy định có ít nhất 3 năm là thẩm định viên về giá hành nghề và đã ký ít nhất 30 bộ Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá.

5.2. Một số đề xuất đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan

- Đề xuất đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

Cần áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào quy trình thẩm định giá doanh nghiệp. Cần phải thiết lập cơ chế hoạt động độc lập giữa bộ phận nghiệp vụ với bộ phận tiếp nhận thông tin từ khách hàng, phải có ban kiểm soát để kiểm soát chất lượng của bộ phận chuyên môn nghiệp vụ ở văn phòng giao dịch, chi nhánh, trụ sở chính.

Ngoài ra, phải không ngừng đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho thẩm định viên về cả kiến thức kinh tế và pháp luật.

- Đề xuất đối với các doanh nghiệp có tài sản cần định giá.

Bản thân các doanh nghiệp cần sớm ý thức về vai trò quan trọng của tài sản trí tuệ và định giá tài sản trí tuệ đối với sự phát triển của mình, việc không chú trọng tới giá trị các tài

sản này là nguyên nhân dẫn đến những thất thoát vốn, thiệt hại lợi ích khi cổ phần hóa, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Như việc các bên trong vụ án này đã thiếu sót không đưa nhãn hiệu ra định giá là một thiệt hại cho lợi ích doanh nghiệp.

Để có thể quản lý và khai thác giá trị các tài sản trí tuệ một cách hiệu quả, các doanh nghiệp cần phải chú trọng việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng chiến lược quản lý, kiểm soát tài sản trí tuệ phù hợp để phản ánh đầy đủ và chính xác giá trị tài sản vô hình nói chung và tài sản trí tuệ nói riêng.

- Đề xuất đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Hiện nay, khi thẩm định giá trị, các doanh nghiệp phải tự tìm kiếm, thu thập dữ liệu ở nhiều nguồn lưu giữ khác nhau và lại khó trích xuất dữ liệu. Sự hỗ trợ thông tin từ phía Nhà nước hiện nay hầu như còn ít. Như trong vụ án này, các công ty thẩm định giá đều cho rằng họ gặp khó khăn khi muốn áp dụng phương pháp định giá theo thị trường vì không tìm được dữ liệu so sánh, vì vậy, việc xây dựng hệ thống dữ liệu giá thị trường là rất cần thiết để các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong nghề nghiệp của mình.

Ngoài ra, cũng cần sớm xây dựng hệ thống xếp hạng đánh giá theo tín nhiệm của thị trường đối với các doanh nghiệp thẩm định giá ở nước ta hiện nay, đây sẽ là một giải pháp bằng cơ chế thị trường rất hữu hiệu để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của thị trường thẩm định giá.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ, *Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn để đề xuất nguyên tắc, cách tiếp cận và quy trình định giá tài sản trí tuệ áp dụng tại Việt Nam*, Đề án khoa học cấp Bộ năm 2013.

2. Đoàn Văn Trường (2011), *Tuyển tập phương pháp thẩm định giá trị các loại tài sản vô hình, quyền sở hữu trí tuệ, định giá công nghệ và giá chuyển giao bên trong các công ty đa quốc gia*, Nxb Khoa học kỹ thuật.

3. Đoàn Đức Lương, Trần Văn Hải (Đồng chủ biên) (2018), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, Nxb Đại học Huế.

4. Nguyễn Hữu Cẩn (Chủ nhiệm), *Nghiên cứu quy trình kỹ thuật định giá sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu áp dụng trong điều kiện Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học sở hữu trí tuệ nghiệm thu năm 2014.

5. Hoàng Lan Phương - Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Khắc phục những bất cập của pháp luật Việt Nam về định giá tài sản trí tuệ*, Tạp chí Chính sách và quản lý Khoa học và công nghệ; tập 1 số 2, 2012.

6. Trần Văn Nam, “*Một số bất cập về xác định giá trị tài sản trí tuệ của các Start-up ở Việt Nam hiện nay*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia *Startups - Những khía cạnh pháp lý về gọi vốn đầu tư*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2019.

7. Trần Cao Thành, “*Trách nhiệm của chủ thể định giá tài sản góp vốn là giá trị quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu*”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Trách nhiệm dân sự và hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh châu Âu*, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, năm 2019.

8. Lê Minh Thái, “*Hoàn thiện quy định về định giá tài sản trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế*”, đăng tại <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep> ngày 5/8/2017, truy cập ngày 20/1/2021.

9. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, *Bản án hình sự sơ thẩm số 424/2019/HSST* ngày 28/12/2019.

10. Thanh tra Chính phủ, *Kết luận số 356/TB-TTCP* ngày 14/2/2018.